

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2019/HS-ST
Ngày 17-12-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Ông Lê Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 191/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Cao Văn M**, sinh năm 1972 tại tỉnh Trà Vinh; địa chỉ thường trú: Ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở hiện tại: Ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 4/12; con ông Cao Văn C và bà Bành Thị R; có 6 anh em, lớn nhất sinh năm 1960, nhỏ nhất sinh năm 1976; có vợ là bà Trần Thị L, sinh năm 1973 và có 2 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; ngày 29/5/2019, bị bắt quả tang, tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát đến ngày 08/6/2019, được tại ngoại để điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Dương Thanh T**, sinh năm 1976, tại tỉnh An Giang; địa chỉ thường trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện tại: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; con ông Dương Văn T và bà Phương Ngọc M; có 3 anh em, lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1980; có vợ là bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1979 và có 2 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; ngày 29/5/2019, bị bắt quả tang, tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát đến ngày 08/6/2019, được tại ngoại để điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Kiều Thị Q**, sinh năm 1985, tại tỉnh An Giang; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện tại: Ấp H, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Kiều Văn C và bà Lê Thị T; có 5 người em, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 2003; có chồng là ông Lê Văn K, sinh năm 1978 và có 4 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, Tiền sự: Không; ngày 29/5/2019, bị bắt quả tang, tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát đến ngày 08/6/2019, được tại ngoại để điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1971, tại tỉnh An Giang; địa chỉ thường trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện tại: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị M; có 5 anh em, lớn nhất sinh năm 1960, nhỏ nhất sinh năm 1969; có vợ là bà Lê Thị T, sinh năm 1972 và có 4 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; ngày 29/5/2019, bị bắt quả tang, tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát đến ngày 08/6/2019, được tại ngoại để điều tra; sau đó, bị bắt tạm giữ từ ngày 12/12/2019 cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1973, tại tỉnh An Giang; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã C, huyện T, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện tại: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; con ông Nguyễn Văn L và bà Cao Thị B; có 7 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1967, nhỏ nhất sinh năm 1982; có chồng là ông Trương Thanh H, sinh năm 1974 và có 2 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 10/01/2018, bị Công an xã A xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 10/01/2018, đã chấp hành xong hình phạt; ngày 29/5/2019, bị bắt quả tang, tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát đến ngày 08/6/2019, được tại ngoại để điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. **Trần Thị Kim L**, sinh năm 1978, tại tỉnh An Giang; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện tại: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 1/12; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm C; có 10 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1967, nhỏ nhất sinh năm 1982; có chồng là ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1977 và có 2 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; ngày 29/5/2019, bị bắt quả tang, tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát đến ngày 08/6/2019, được tại ngoại để điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1975, tại tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ thường trú: Ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện tại: Ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 4/12; con ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị X; có 6 anh em, lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1990; có vợ là bà Lê Thị M, sinh năm 1978 và có 2 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; ngày 29/5/2019, bị bắt quả tang, tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát đến ngày 08/6/2019, được tại ngoại để điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1982, tại tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện tại: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 3/12; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T; có 2 anh em, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1986; có vợ là bà Đỗ Thị Ngọc G (đã chết) và có 2 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; ngày 29/5/2019, bị bắt quả tang, tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát đến ngày 08/6/2019, được tại ngoại để điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa

9. **Chế Văn T**, sinh năm 1976, tại tỉnh An Giang; địa chỉ thường trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện tại: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; con ông Chế Văn D và bà Lê Thị T; có 4 anh em, lớn nhất sinh năm 1972, nhỏ nhất sinh năm 1989; có vợ là bà Thái Kim D, sinh năm 1978 và có 1 người con sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; ngày 29/5/2019, bị bắt quả tang, tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát đến ngày 08/6/2019, được tại ngoại để điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 29/5/2019, Cao Văn M mua 01 bộ bài tây loại 52 lá rồi rủ Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M, Chế Văn T, Nguyễn Thị N tham gia đánh bài binh 6 lá thắng thua bằng tiền tại phòng trọ số 113 nhà trọ D ở ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương nơi M thuê ở. M, H, M, T, N đánh bài được một lúc thì Kiều Thị Q, Nguyễn Văn T, Trần Thị Kim L, Dương Thanh T đến vào tham gia cùng.

Hình thức đánh bạc đánh bài binh 6 lá thắng thua bằng tiền như sau: Trong một ván bài, nhà cái sử dụng 01 bộ bài tây loại 52 lá chia đều cho từng người chơi, mỗi người 6 lá bài. Từng người chơi sẽ xếp phần bài của mình thành 2 chi bài, mỗi chi 3 lá bài. Thắng thua được xác định thông qua việc so sánh bài trực tiếp giữa người chơi và người làm cái. Bên nào có cả 2 chi bài lớn hơn hoặc 1 chi bài lớn hơn và 1 chi bài bằng nhau thì bên đó sẽ thắng khi đó bên còn lại sẽ trả cho bên thắng đúng với số tiền đặt cược ban đầu của người chơi và ngược lại. Nếu cả 2 chi bài hai bên đều bằng nhau hoặc có 1 chi bài lớn hơn và 1 chi bài nhỏ hơn thì huề vốn. Việc so sánh giữa các chi bài với nhau căn cứ vào tổng số điểm trên cả ba lá bài của chi bài đó. Nếu tổng số điểm lớn hơn thì chi bài đó lớn hơn và ngược lại thì nhỏ hơn, tổng số điểm bằng nhau thì hai chi bài bằng nhau. Lá bài A tính là 1 điểm lần lượt cho đến lá bài 9 tính là 9 điểm. Các lá bài 10, J, Q, K tính là 0 điểm. Tổ hợp bất kỳ giữa ba lá J, Q, K các chất bài lại với nhau đều cho ra chi bài lớn nhất. Các chất bài gồm bích, chuồn, rô, cơ có giá trị như nhau và không phân biệt khi tính điểm.

Cao Văn M, Nguyễn Văn H, Dương Thanh T, Nguyễn Văn T, Chế Văn T, Nguyễn Thị N, Kiều Thị Q, Nguyễn Văn M và Trần Thị Kim L khi đánh bài

chia làm 7 tụ, mỗi tụ có 6 lá bài. M, M, T thay nhau làm cái, mỗi tụ làm cái 3 ván sau đó chuyển sang tụ khác. Mỗi tụ đặt cược thắng thua với nhà cái số tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng trong 01 ván. Cao Văn M, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M, Chế Văn T, Trần Thị Kim L, Nguyễn Thị N mỗi người cầm một tụ bài, còn 03 người đứng vòng ngoài ké tiền vào các tụ là Kiều Thị, Nguyễn Văn T và Dương Thanh T. Tiền xâu được tính khi có 03 ván làm cái mà nhà cái lời thì đưa cho Cao Văn M từ 10.000 đồng đến 30.000 đồng để trả tiền mua bài và nước uống cho các con bạc.

Cả nhóm đánh bài đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Lực lượng Công an xã A vào kiểm tra hành chính phát hiện bắt quả tang thu giữ:

- Số tiền tang trên chiếu bạc là 8.100.000 đồng, 08 bộ bài tây loại 52 lá (gồm 01 bộ đã qua sử dụng và 07 bộ chưa qua sử dụng).
- Thu giữ của Nguyễn Thị N: Số tiền 8.700.000 đồng.
- Thu giữ của Nguyễn Văn H: Số tiền 570.000 đồng.
- Thu giữ của Chế Văn T: Số tiền 4.000.000 đồng.
- Thu giữ của Kiều Thị Q: Số tiền 5.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát Cao Văn M, Nguyễn Văn H, Dương Thanh T, Nguyễn Văn T, Chế Văn T, Nguyễn Thị N, Kiều Thị Q, Nguyễn Văn M và Trần Thị Kim L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Cao Văn M khai: M có 1.909.000 đồng. M sử dụng 1.500.000 đồng lấy ra cầm trên tay để đánh bạc, còn 409.000 đồng M bỏ trong hộp nhựa. Khi bị bắt, M thắng được 250.000 đồng. M bỏ hết tiền trên chiếu bạc để đánh tiếp thì bị bắt, thu giữ vào tiền tang. Ngoài ra, M đã thu được 70.000 đồng do Chế Văn T và Nguyễn Văn M trả tiền xâu cho M, M bỏ số tiền này chung với 409.000 đồng trong hộp nhựa. Số tiền 479.000 đồng trong hộp nhựa này bị thu giữ vào tiền tang.

Nguyễn Văn H khai: Khi đến sòng bạc H mang theo 1.070.000 đồng. H sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, còn lại 570.000 đồng H bỏ trong túi áo không sử dụng đánh bạc. Khi bị bắt, H thua 100.000 đồng. Số tiền 400.000 đồng còn lại đang để trên chiếu bạc để đánh tiếp thì bị bắt, thu giữ vào tiền tang. Số tiền 570.000 đồng cất trong túi áo không sử dụng đánh bạc bị thu giữ riêng.

Nguyễn Văn M khai: Khi đến sòng bạc M mang theo 1.520.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Khi bị bắt M thua 200.000 đồng. Số tiền 1.320.000 đồng còn lại để trên chiếu bạc bị thu giữ vào tiền tang.

Chế Văn T khai: Khi đến sòng bạc T mang theo 4.500.000 đồng. T sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt T thua 400.000 đồng, còn 100.000 đồng để trên chiếu bạc bị thu giữ vào tiền tang. Số tiền 4.000.000 đồng cất giữ trong người không sử dụng đánh bạc bị thu giữ riêng.

Trần Thị Kim L khai: Khi đến sòng bạc L mang theo 520.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc. Khi bị bắt L thua 100.000 đồng, còn 420.000 đồng để trên chiếu bạc bị bắt, thu giữ vào tiền tang.

Kiều Thị Q khai: Khi đến sòng bạc Q có mang theo 5.050.000 đồng. Q sử dụng 50.000 đồng để đánh bạc, còn lại số tiền 5.000.000 đồng cất trong túi xách không sử dụng đánh bạc. Q không trực tiếp cầm bài đứng tụ đánh bạc mà kè tiền vào tụ của Nguyễn Văn M 01 ván với số tiền 50.000 đồng, Q thắng được 50.000 đồng. Khi bị bắt, bị thu giữ trên tay 100.000 đồng, thu giữ vào tiền tang. Riêng số tiền 5.000.000 đồng cất trong túi xách không sử dụng đánh bạc bị thu giữ riêng.

Dương Thanh T khai: Khi đến sòng bạc T mang theo 300.000 đồng sử dụng để đánh bạc. T không trực tiếp cầm bài đứng tụ đánh bạc mà kè tiền vào tụ của Nguyễn Văn M 03 ván gồm: 2 ván với số tiền 100.000 đồng/01 ván và 01 ván 80.000 đồng. T thắng được 280.000 đồng. Khi bị bắt, bị thu giữ 580.000 đồng vào tiền tang.

Nguyễn Thị N khai: Khi đến sòng bạc N mang theo 9.000.000 đồng. N sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc, còn lại 8.700.000 đồng cất giữ trong người không sử dụng đánh bạc. Khi bị bắt, N không thắng không thua. Số tiền 300.000 đồng N để trên chiếu bạc, thu giữ vào tiền tang. Số tiền 8.700.000 đồng cất giữ trong người không sử dụng đánh bạc, bị thu giữ riêng.

Nguyễn Văn T khai: Khi đến sòng bạc T mang theo 358.000 đồng để sử dụng đánh bạc. T không trực tiếp cầm bài đứng tụ đánh mà tham gia kè vào tụ của Trần Thị Kim L 2 ván, mỗi ván 50.000 đồng. T thắng 1 ván, thua 1 ván. Khi bị bắt, số tiền 358.000 đồng T để trên chiếu bạc bị thu giữ vào tiền tang.

Tại bản Cáo trạng số 208/CT-VKS ngày 18/10/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Cao Văn M, Nguyễn Văn H, Dương Thanh T, Nguyễn Văn T, Chế Văn T, Nguyễn Thị N, Kiều Thị Q, Nguyễn Văn M và Trần Thị Kim L về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Cao Văn M, Nguyễn Văn H, Dương Thanh T, Nguyễn Văn T, Chế Văn T, Nguyễn Thị N, Kiều Thị Q, Nguyễn Văn M và Trần Thị Kim L về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Cao Văn M, Nguyễn Văn H, Dương Thanh T, Chế Văn T, Kiều Thị Q, Nguyễn Thị N và Trần Thị Kim L.

Xử phạt bị cáo Cao Văn M số tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Dương Thanh T số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Kiều Thị Q số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N cải tạo không giam giữ từ 07 tháng đến 09 tháng, phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim L số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Chế Văn T số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 tháng đến 05 tháng tù;

- Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 08 (tám) bộ bài tây loại 52 lá (gồm 01 bộ đã qua sử dụng và 07 bộ chưa qua sử dụng).

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 8.100.000 đồng (tám triệu một trăm nghìn đồng)

+ Quản thủ để thi hành án đối với số tiền 18.270.000 đồng thu giữ của các bị cáo: N là 8.700.000 đồng, H là 570.000 đồng, T là 4.000.000 đồng, Quạ là 5.000.000 đồng và M là 409.000 đồng.

Các bị cáo Cao Văn M, Nguyễn Văn H, Dương Thanh T, Nguyễn Văn T, Chế Văn T, Nguyễn Thị N, Kiều Thị Q, Nguyễn Văn M và Trần Thị Kim L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và nội dung bản Cáo trạng số 208/CT-VKS ngày 18/10/2019.

Tại phiên tòa, các bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo Cao Văn M, Nguyễn Văn H, Dương Thanh T, Nguyễn Văn T, Chế Văn T, Nguyễn Thị N, Kiều Thị Q, Nguyễn Văn M và Trần Thị Kim L đã thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ thu giữ trong vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 09 giờ đến 10 giờ 30 phút ngày 29/5/2019, tại phòng trọ số 113 nhà trọ D ở ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, Cao Văn M, Nguyễn Văn H, Dương Thanh T, Nguyễn Văn T, Chế Văn T, Nguyễn Thị N, Kiều Thị Q, Nguyễn Văn M và Trần Thị Kim L có hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức “bài binh 6 lá”, với số tiền dùng để đánh bạc là 7.6191.000 đồng. Ngoài ra Cao Văn M còn có hành vi lấy tiền xâu 70.000 đồng của Chế Văn T và Nguyễn Văn M để phục vụ cho việc đánh bạc.

Hành vi mà các bị cáo Cao Văn M, Dương Thanh T, Kiều Thị Q, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N, Trần Thị Kim L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn H và Chế Văn T đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, tác động xấu đến nếp sống văn minh trong xã hội. Về

nhận thức, các bị cáo biết rõ pháp luật nước ta nghiêm cấm mọi hoạt động đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức lờ mờ, nhằm thu lợi bất chính. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên chỉ xét xử ở khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo M từng tham gia nghĩa vụ quân sự nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xét về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Riêng bị cáo Nguyễn Thị N có 01 tiền sự về tội đánh bạc mà tiếp tục phạm tội. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc đối với nhân thân của các bị cáo.

Xét tính chất và mức độ phạm tội: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Bị cáo M là người đầu tiên khởi xướng, rủ rê, lôi kéo các bị cáo còn lại tham gia đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức “bài binh 6 lá” và thu tiền xâu, các bị cáo khác mặc dù bị rủ rê nhưng tích cực tham gia hành vi đánh bạc trái phép. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét xử lý các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối chiếu với những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo Cao Văn M, Dương Thanh T, Kiều Thị Q, Trần Thị Kim L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn H và Chế Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Tại phiên tòa, các bị cáo đều tỏ ra ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt phạt tiền đối với các bị cáo vẫn có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật mà cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Bị cáo M và M có hành vi đánh bạc dưới hình thức “bài binh 6 lá” thắng thua bằng tiền với tổng số tiền đánh bạc nhiều hơn so với các bị cáo khác. Bị cáo M là người rủ rê các bị cáo còn lại tham gia đánh bạc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo M và Mừng phải bị áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo M phải bị áp dụng mức hình phạt cao hơn so với bị cáo M. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, tại phiên tòa, bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, trong quá trình truy tố, chuẩn bị xét xử bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã làm giấy cam đoan thực hiện nghĩa vụ của mình khi được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng sau khi được áp dụng biện pháp trên, bị cáo đã đi khỏi địa phương mà không trình báo và không được phép của cơ quan có thẩm quyền. Như vậy, hành vi của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe bị cáo sống có ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật. Đồng thời, phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Thị N: Bị cáo đã từng bị Công an xã A xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc vào ngày 10/01/2018. Lẽ ra, bị cáo phải biết ăn năn hối cải về hành vi đã thực hiện và phải biết đó là hành vi vi phạm pháp luật mà không tiếp tục thực hiện nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm minh hơn để bị cáo ý thức được hành vi của mình và có hướng cải tạo tốt. Tuy nhiên, bị cáo thực hiện hành vi thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, bị cáo có công việc ổn định, có nơi cư trú rõ ràng do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo N, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo thành người sống có ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật, sống có trách nhiệm với gia đình và có ích cho xã hội. Đồng thời, Hội đồng xét xử áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo N theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về biện pháp tư pháp khấu trừ thu nhập, xét thấy đã áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nên Hội đồng xét xử không cần thiết khấu trừ thu nhập đối với bị cáo N. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng thu giữ gồm: 08 (tám) bộ bài tây loại 52 lá (gồm 01 bộ đã qua sử dụng và 07 bộ chưa qua sử dụng): Đây là công cụ, phương tiện phạm tội của các bị cáo, không có giá trị sử dụng nên cần tịch tiêu hủy.

Đối với số tiền 8.100.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc: Đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 18.270.000 đồng thu giữ của các bị cáo: N là 8.700.000 đồng, H là 570.000 đồng, T là 4.000.000 đồng, Q là 5.000.000 đồng đây là số tiền các bị cáo không sử dụng để đánh bạc nên quản thủ để thi hành án.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Cao Văn M, Nguyễn Văn H, Dương Thanh T, Chế Văn T, Kiều Thị Q, Nguyễn Thị N và Trần Thị Kim L.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Cao Văn M, Dương Thanh T, Kiều Thị Q, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N, Trần Thị Kim L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn H và Chế Văn T phạm tội: “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Cao Văn M số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng);

- Xử phạt bị cáo Dương Thanh T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng);

- Xử phạt bị cáo Kiều Thị Q số tiền số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng);

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N cải tạo không giam giữ 07 tháng. Thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày UBND xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương nhận được bản án, quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát từ ngày 29/5/2019 đến ngày 08/6/2019.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho UBND xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ. Trường

hợp bị cáo N thay đổi nơi cư trú sẽ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim L số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

- Xử phạt bị cáo Chế Văn T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 12/12/2019 và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát từ ngày 29/5/2019 đến ngày 08/6/2019.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 08 (tám) bộ bài tây loại 52 lá (gồm 01 bộ đã qua sử dụng và 07 bộ chưa qua sử dụng).

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 8.100.000 đồng (tám triệu một trăm nghìn đồng)

- Quản thủ để thi hành án đối với số tiền 18.270.000 đồng (thu giữ của các bị cáo: N là 8.700.000 đồng, H là 570.000 đồng, T là 4.000.000 đồng, Q là 5.000.000 đồng và M là 409.000 đồng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/11/2019 của Chi cục Thi hành dân sự thị xã Bến Cát và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 21/10/2019 của Công an thị xã Bến Cát)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Cao Văn M, Dương Thanh T, Kiều Thị Q, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N, Trần Thị Kim L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn H và Chế Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- UBND xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Lại Thị Ngọc Bích**